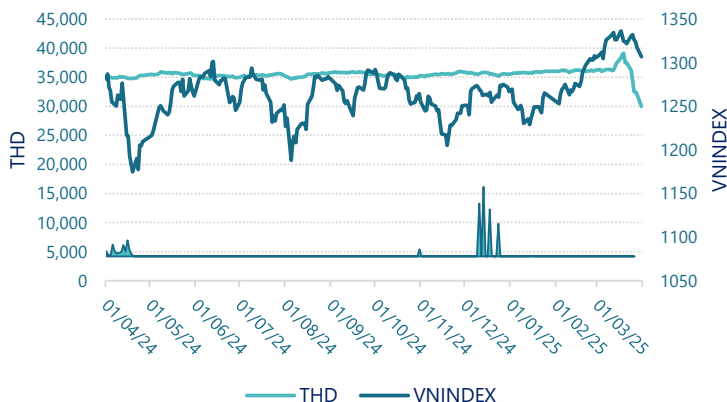




CTCP Thaiholdings (HNX: THD)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	30,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	39,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	30,000
SL cổ phiếu LH	384,999,972
KLGD BQ 20 phiên (CP)	317,000
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	11,550
P/E	174.4
EPS	172

DT thuần

Q1/25

219

tỷ VNĐ

QoQ: ▼14.0 | -5.9%

YoY: ▼57.0 | -20.6%

LN sau thuế

Q1/25

26.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲15.4 | 141%

YoY: ▼23.0 | -46.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

10.9%

+/- YoY: ▼ 8.5%

DT thuần

2024

974

tỷ VNĐ

YoY: ▼896 | -47.9%

LN sau thuế

2024

84.2

tỷ VNĐ

YoY: ▼141 | -62.5%

ROE

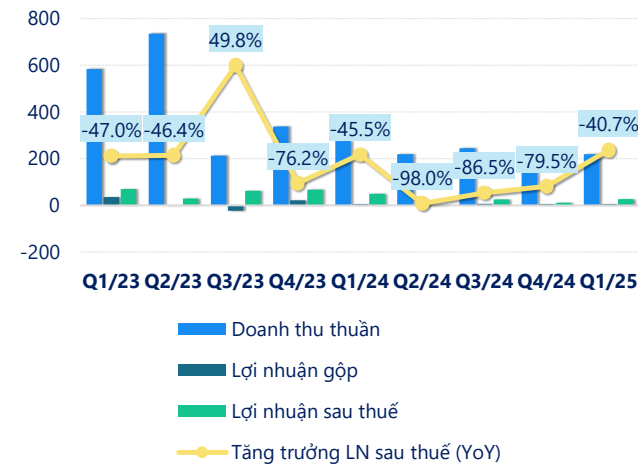
2024

1.6%

+/- YoY: ▼ 1.3%

tỷ VNĐ

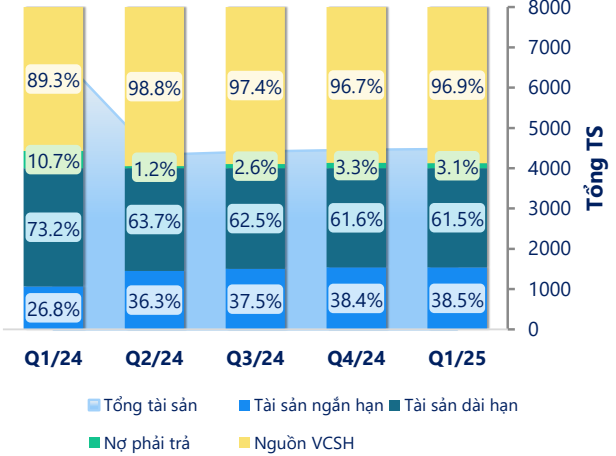
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

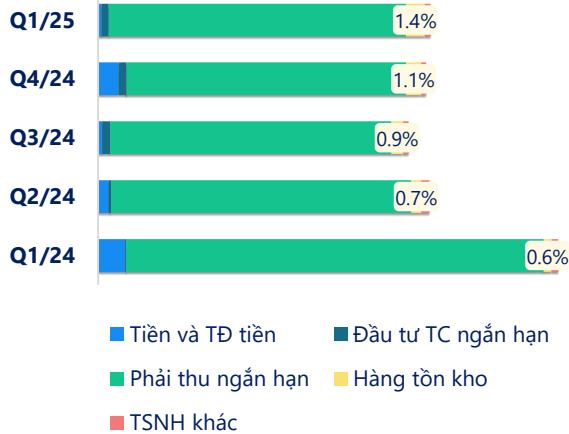
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



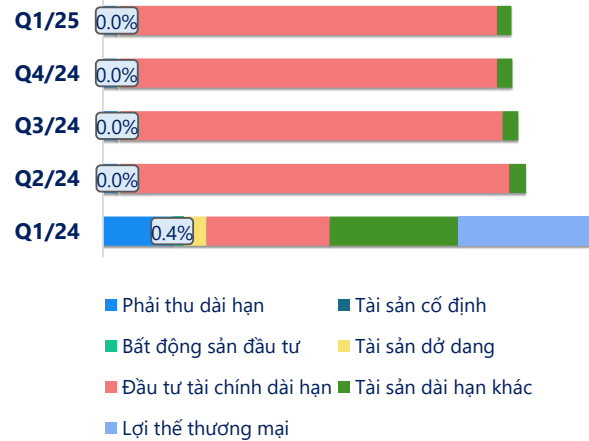
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

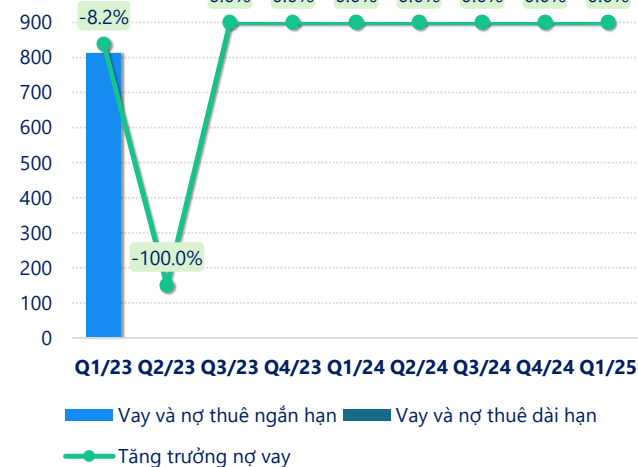
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

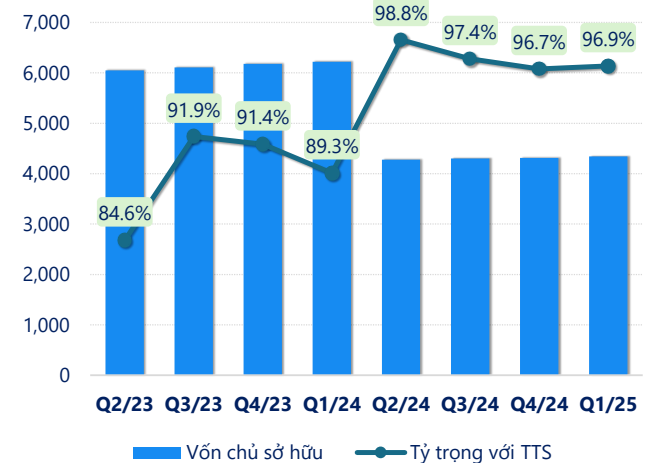
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

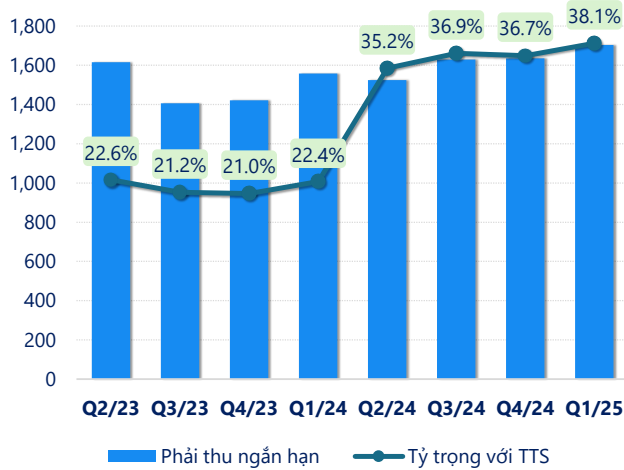
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



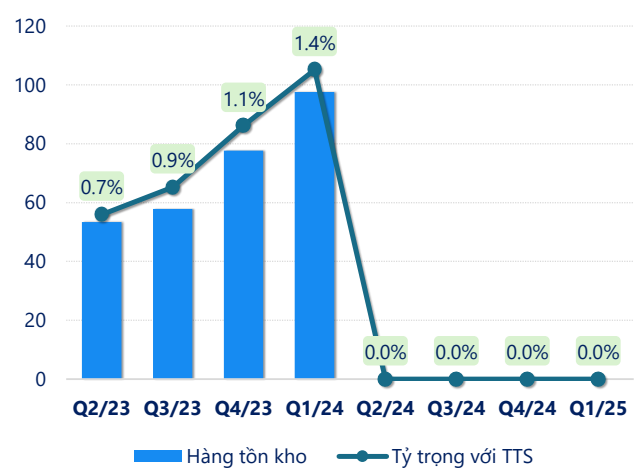
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


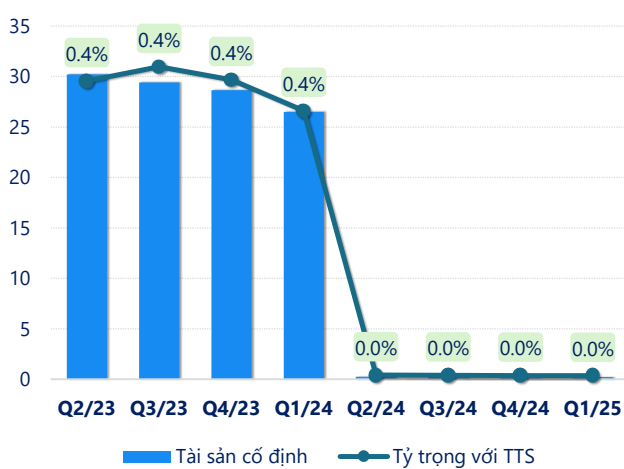
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


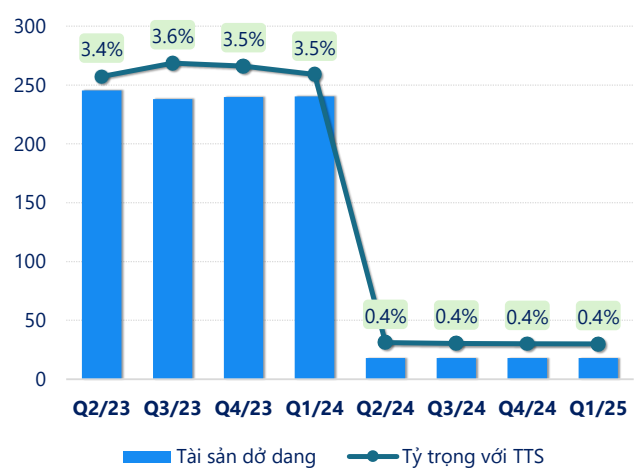
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

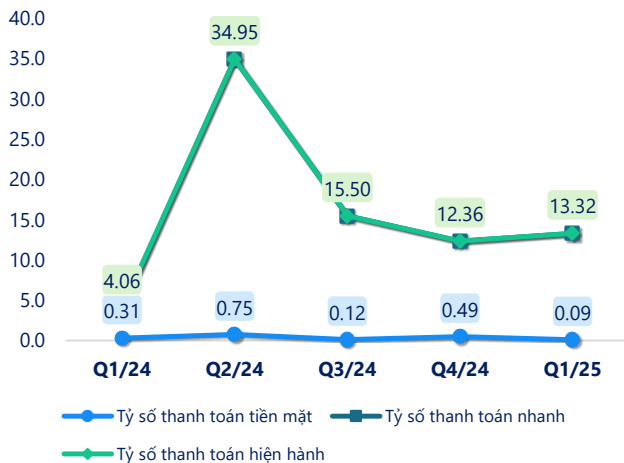
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	6,965	4,330	4,416	4,460	4,478
Tài sản ngắn hạn	1,864	1,573	1,656	1,714	1,726
Tiền và tương đương tiền	141	33.9	13.2	68.3	11.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	37.1	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	1,558	1,525	1,630	1,635	1,704
Hàng tồn kho	97.6	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	30.7	14.7	12.7	10.7	10.0
Tài sản dài hạn	5,101	2,756	2,760	2,746	2,752
Phải thu dài hạn	712	94.0	94.0	92.7	92.7
Tài sản cố định	26.5	0.26	0.25	0.24	0.23
Bất động sản đầu tư	105	0	0	0	0
Tài sản dở dang	240	17.9	17.9	17.9	17.9
Đầu tư tài chính dài hạn	1,291	2,534	2,542	2,533	2,543
Tài sản dài hạn khác	1,348	110	106	102	98.3
Lợi thế thương mại	1,377	0	0	0	0
Nợ phải trả	744	53.2	114	147	138
Nợ ngắn hạn	460	45.0	107	139	130
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	134	13.7	71.4	101	106
Nợ dài hạn	284	8.22	7.08	7.97	8.51
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	6,221	4,276	4,302	4,313	4,340
Vốn chủ sở hữu	6,221	4,276	4,302	4,313	4,340
Vốn điều lệ	3,850	3,850	3,850	3,850	3,850
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)